

PHÁT TRIỂN TÍNH TỰ CHỦ CHO TRẺ 5-6 TUỔI THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI TÍCH HỢP GIÁO DỤC GIỚI TÍNH

NÔNG KHÁNH VY
Trường Đại học Tiền Giang

Nhận bài ngày 10/7/2026. Sửa chữa xong 14/8/2026. Duyệt đăng 18/8/2026.

Abstract

This study aimed to assess the current status of autonomy development among children aged 5–6 through play-based activities that integrate sexuality education in selected preschools. Children's autonomy was examined through indicators such as independently choosing games, actively completing tasks, resolving simple conflicts, expressing opinions, developing self-awareness, and seeking help when necessary. The findings showed that children demonstrated varying levels of autonomy; however, many still relied on teachers' guidance, particularly when selecting play roles without gender stereotypes and when responding to situations involving personal boundaries. Based on these findings, the study proposes several measures to improve the effectiveness of autonomy education for preschool children through play-based activities that integrate sexuality education.

Keywords: Autonomy, Dong Thap Province, play-based activities, preschool education, sex education.

1. Đặt vấn đề

Trong giáo dục trẻ mầm non hiện nay việc hình thành và phát triển các năng lực nền tảng cho trẻ ngày càng được chú trọng, trong đó tính tự chủ được xem là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hình thành nhân cách và khả năng thích ứng của trẻ trong cuộc sống. Tính tự chủ giúp trẻ biết đưa ra các lựa chọn hợp lý, thể hiện ý kiến cá nhân, tham gia tích cực vào các hoạt động đặc biệt là các hoạt động vui chơi; trẻ cũng từng bước hình thành khả năng giải quyết vấn đề trong những tình huống đơn giản. Đối với trẻ 5–6 tuổi, đây là giai đoạn trẻ bắt đầu có nhu cầu khẳng định bản thân, mong muốn được tham gia quyết định trong các hoạt động và thể hiện sự độc lập nhiều hơn so với các giai đoạn trước.

Chương trình giáo dục mầm non chú trọng nhấn mạnh sự phát triển toàn diện, khả năng tự phục vụ, kĩ năng xã hội, sự chủ động và năng lực giải quyết những tình huống gần gũi. Hoạt động vui chơi là môi trường thuận lợi để thực hiện mục tiêu này vì trẻ được lựa chọn, thỏa thuận, nhập vai, giải quyết mâu thuẫn và điều chỉnh hành vi trong những tình huống có ý nghĩa đối với bản thân. Các nghiên cứu gần đây ở Việt Nam cũng cho thấy hoạt động trải nghiệm và hoạt động chơi có khả năng thúc đẩy tính tích cực, khả năng phán đoán, tự phục vụ và năng lực thực hành của trẻ (Dương Thị Kim Oanh & Đặng Phương Anh, 2023; Nguyễn Thị Ngọc Tâm, 2022; Nguyễn Thị Mạnh Tiến & Trần Thị Hương, 2024a).

Bên cạnh đó, trẻ 5–6 tuổi cần được hình thành những hiểu biết ban đầu về cơ thể, tự nhận biết bản thân, phân biệt hành vi an toàn và nguy hiểm đối với cơ thể, đồng thời biết cách tìm kiếm sự giúp đỡ từ những nơi đáng tin cậy. Giáo dục giới tính (GDGT) ở lứa tuổi mầm non không nhằm cung cấp kiến thức vượt quá độ tuổi mà tập trung vào nhận biết cơ thể, tôn trọng sự khác biệt, quyền nói “không”, bảo vệ vùng riêng tư và biết tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết. Khi các nội dung này được tích hợp vào trò chơi, trẻ có thể thực hành quyền lựa chọn, bày tỏ sự đồng ý hoặc không đồng ý và ứng xử trong tình huống giả định một cách tự nhiên hơn.

Tuy nhiên, việc tích hợp GDGT trong hoạt động vui chơi ở trường mầm non còn chưa đồng đều. Một số giáo viên (GV) e ngại khi đề cập đến nội dung về giới, thiếu tài liệu hướng dẫn hoặc còn chịu ảnh hưởng của định kiến giới trong phân vai khi tổ chức trò chơi. Vì vậy, nghiên cứu được thực hiện nhằm: (1) mô tả mức độ

Email: tg030031@dthu.edu.vn

biểu hiện tính tự chủ của trẻ 5–6 tuổi trong hoạt động vui chơi; (2) xem xét mức độ trẻ được tạo cơ hội tham gia hoạt động vui chơi tích hợp GDGT; (3) đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục tính tự chủ cho trẻ thông qua hoạt động vui chơi có lồng ghép GDGT tại trường mầm non.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở lí thuyết tự chủ và học tập trải nghiệm. Trong đó, hoạt động trải nghiệm được xem là yếu tố tác động đến sự phát triển tính tự chủ của trẻ 5–6 tuổi. Tính tự chủ được đánh giá qua sáu thành tố: tự lựa chọn hoạt động hoặc vai chơi, chủ động thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề và mâu thuẫn đơn giản, bày tỏ ý kiến, mong muốn hoặc sự không đồng ý, điều chỉnh hành vi và cảm xúc, nhận biết ranh giới cá nhân và tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần.

Nghiên cứu được thực hiện trên 120 trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi và 20 GV trực tiếp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ tại 04 trường mầm non thuộc tỉnh Đồng Tháp.

Nghiên cứu kết hợp phương pháp định lượng và định tính. Phương pháp định lượng được sử dụng để đánh giá mức độ biểu hiện tính tự chủ của trẻ và thu thập ý kiến GV. Phương pháp định tính được thực hiện thông qua quan sát, ghi chép và phỏng vấn ngắn nhằm làm rõ kết quả khảo sát. Dữ liệu được xử lí bằng Excel và SPSS với các chỉ số: tần suất, tỉ lệ phần trăm, điểm trung bình và độ lệch chuẩn.

Công cụ thu thập dữ liệu: gồm bảng quan sát tính tự chủ của trẻ theo thang Likert 5 mức; phiếu khảo sát GV; nhật kí quan sát quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm; phỏng vấn ngắn trẻ và GV. Kết quả được phân loại theo thang điểm sau:

Điểm trung bình	Mức độ	Quy ước
1,00–1,80	Rất thấp	1
1,81–2,60	Thấp	2
2,61–3,40	Trung bình	3
3,41–4,20	Khá	4
4,21–5,00	Cao	5

Tiêu chí đánh giá tính tự chủ của trẻ được xây dựng dựa trên Chương trình giáo dục mầm non, lí thuyết học tập trải nghiệm và đặc điểm tâm lí của trẻ 5–6 tuổi.

Bảng 1: Tiêu chí đánh giá tính tự chủ của trẻ

Nhóm tiêu chí	Chỉ báo
1. Tự lựa chọn hoạt động hoặc vai chơi	Tự lựa chọn trò chơi, góc chơi, vai chơi, bạn chơi hoặc cách thực hiện theo sở thích phù hợp.
2. Chủ động thực hiện nhiệm vụ	Tự bắt đầu, duy trì và hoàn thành phần việc khi chơi; chủ động trao đổi với GV và bạn.
3. Giải quyết vấn đề và mâu thuẫn đơn giản	Biết thỏa thuận, đề xuất cách giải quyết, thử cách làm khác hoặc tìm hỗ trợ khi gặp khó khăn.
4. Bày tỏ ý kiến, mong muốn hoặc sự không đồng ý	Nói được nhu cầu, mong muốn và quan điểm của bản thân; biết đồng ý hoặc từ chối trong tình huống phù hợp.
5. Điều chỉnh hành vi và cảm xúc	Biết chờ đến lượt, tuân thủ luật chơi, giữ bình tĩnh, sửa sai và điều chỉnh cách ứng xử.
6. Nhận biết ranh giới cá nhân và tìm kiếm sự hỗ trợ	Nhận biết vùng riêng tư và tình huống không an toàn; biết nói “không” và tìm người lớn đáng tin cậy.

Nghiên cứu được tiến hành qua năm bước: (1) nghiên cứu tài liệu và xác định các tiêu chí đánh giá tính tự chủ của trẻ; (2) xây dựng, điều chỉnh bảng quan sát, phiếu khảo sát và câu hỏi phỏng vấn; (3) khảo sát 120 trẻ và 20 GV tại bốn trường mầm non; (4) mã hóa, xử lí dữ liệu bằng Excel và SPSS; (5) phân tích kết quả, rút ra nhận xét và đề xuất các biện pháp giáo dục phù hợp.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận

3.1.1. Tính tự chủ của trẻ mầm non

Trong giáo dục, tính tự chủ thường được hiểu là khả năng cá nhân tự đưa ra lựa chọn, tự điều chỉnh hành

vi và chịu trách nhiệm với hành động của mình trong những tình huống và hoàn cảnh cụ thể. Theo Laura E. Berk (2013), ở giai đoạn trẻ mẫu giáo, trẻ bắt đầu hình thành khả năng tự kiểm soát hành vi, đưa ra lựa chọn và bày tỏ suy nghĩ của mình trong các hoạt động. Những biểu hiện như tự chọn trò chơi, giải quyết mâu thuẫn với bạn, nói lên ý kiến của mình được xem là những dấu hiệu ban đầu của tính tự chủ. Theo Piaget (1962), trẻ học thông qua hành động và tương tác trực tiếp với môi trường. Vygotsky (1978) nhấn mạnh rằng khả năng tự điều chỉnh ban đầu hình thành trong tương tác xã hội, sau đó dần được trẻ nội tâm hóa. Thuyết tự quyết cho rằng nhu cầu được tự chủ, được cảm thấy có năng lực và được kết nối là những nhu cầu tâm lý cơ bản thúc đẩy động cơ bên trong (Deci & Ryan, 2000).

Trong nghiên cứu này, tính tự chủ của trẻ 5–6 tuổi được tiếp cận qua sáu nhóm biểu hiện: (1) tự lựa chọn hoạt động hoặc vai chơi; (2) chủ động thực hiện nhiệm vụ; (3) giải quyết vấn đề và mâu thuẫn đơn giản; (4) bày tỏ ý kiến, mong muốn hoặc sự không đồng ý; (5) điều chỉnh hành vi và cảm xúc; (6) nhận biết ranh giới cá nhân và tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần. Các biểu hiện có thể không phát triển đồng đều ở mọi trẻ, vì vậy việc đánh giá cần được thực hiện trong nhiều tình huống và qua nhiều lần quan sát.

3.1.2. Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non

GDGT cho trẻ mầm non nếu được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm việc giúp trẻ nhận biết cơ thể, phân biệt giới tính nam và nữ, hình thành những kỹ năng tự bảo vệ bản thân. Theo Debra Haffner (2008), GDGT ở lứa tuổi nhỏ chủ yếu giúp trẻ hiểu cơ thể, giới tính của mình, biết tôn trọng cơ thể của người khác và biết cách ứng xử an toàn trong các mối quan hệ. Hướng dẫn quốc tế về GDGT nhấn mạnh tính phù hợp với độ tuổi, dựa trên quyền trẻ em, bình đẳng giới và an toàn (UNESCO, 2018). Trong bối cảnh Việt Nam, tài liệu học thông qua chơi có đáp ứng giới cũng khuyến khích tạo cơ hội bình đẳng để trẻ lựa chọn vai chơi, đồ chơi và cách thể hiện bản thân (VVOB Việt Nam & CGFED, 2018).

Như vậy, có thể hiểu GDGT cho trẻ mầm non là quá trình giúp trẻ hình thành những hiểu biết, thái độ và kỹ năng ban đầu phù hợp với lứa tuổi về cơ thể, giới tính, ranh giới cá nhân, sự tôn trọng và bảo vệ bản thân; qua đó trẻ biết ứng xử an toàn trong các mối quan hệ hằng ngày.

3.1.3. Hoạt động vui chơi và cơ chế phát triển tính tự chủ

Vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mầm non. Trong trò chơi, trẻ được thử nghiệm vai trò xã hội, tạo lập mối quan hệ “xã hội” của trẻ, xây dựng luật chơi, thương lượng với bạn và điều chỉnh hành vi để duy trì hoạt động chung. Những cơ hội lựa chọn này giúp trẻ hình thành khả năng ra quyết định và bước đầu biết lập kế hoạch cho hoạt động của mình. Theo Piaget (1962), trẻ phát triển nhận thức thông qua việc trực tiếp hành động và tương tác với môi trường; trong khi Vygotsky (1978) cho rằng trò chơi tạo ra bối cảnh xã hội để trẻ học cách kiểm soát hành vi và thực hiện những yêu cầu cao hơn khả năng hiện tại.

Cơ chế phát triển tính tự chủ thông qua vui chơi được thể hiện ở nhiều mặt. Trước hết, khi được tự lựa chọn và khởi xướng hoạt động, trẻ phát triển tính chủ động và động cơ tham gia. Khi gặp khó khăn, trẻ phải thử lại, thay đổi cách làm hoặc tìm kiếm sự giúp đỡ của người lớn, qua đó hình thành tính kiên trì và khả năng giải quyết vấn đề. Trong các trò chơi tập thể, trẻ cần trao đổi, thỏa thuận vai chơi, chờ đến lượt, tuân thủ luật chơi và giải quyết mâu thuẫn với bạn. Quá trình này góp phần phát triển khả năng tự điều chỉnh hành vi, kiểm soát cảm xúc và tinh thần trách nhiệm.

Đối với hoạt động vui chơi tích hợp GDGT, các tình huống đóng vai còn giúp trẻ thực hành việc bày tỏ ý kiến, nhận biết ranh giới cá nhân, nói “không” khi cảm thấy không thoải mái và tìm kiếm sự hỗ trợ từ người lớn đáng tin cậy. Đây là những biểu hiện quan trọng của quyền tự quyết và khả năng bảo vệ bản thân. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động phụ thuộc vào cách tổ chức của GV. GV cần xây dựng môi trường chơi an toàn, bình đẳng, hạn chế định kiến giới, tôn trọng lựa chọn của trẻ và hỗ trợ đúng lúc thay vì áp đặt hoặc làm thay. Qua đó, vui chơi trở thành môi trường tự nhiên để trẻ rèn luyện và phát triển tính tự chủ phù hợp với đặc điểm lứa tuổi.

3.2. Giáo dục tính tự chủ cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động vui chơi có lồng ghép giáo dục giới tính ở trường mầm non tại tỉnh Đồng Tháp

3.2.1. Mức độ biểu hiện tính tự chủ của trẻ 5-6 tuổi

Bảng 2: Mức độ biểu hiện tính tự chủ của trẻ 5–6 tuổi (n = 120)

TT	Nhóm biểu hiện	Mức 1 n (%)	Mức 2 n (%)	Mức 3 n (%)	Mức 4 n (%)	Mức 5 n (%)	ĐTB	ĐLC	Mức độ
1	Tự lựa chọn hoạt động hoặc vai chơi	5 (4,2)	15 (12,5)	38 (31,7)	43 (35,8)	19 (15,8)	3,47	1,04	Khá
2	Chủ động thực hiện nhiệm vụ	3 (2,5)	11 (9,2)	35 (29,2)	48 (40,0)	23 (19,2)	3,64	0,98	Khá
3	Giải quyết vấn đề và mâu thuẫn đơn giản	4 (3,3)	17 (14,2)	39 (32,5)	43 (35,8)	17 (14,2)	3,43	1,01	Khá
4	Bày tỏ ý kiến, mong muốn hoặc sự không đồng ý	8 (6,7)	24 (20,0)	43 (35,8)	34 (28,3)	11 (9,2)	3,13	1,05	Trung bình
5	Điều chỉnh hành vi và cảm xúc	7 (5,8)	21 (17,5)	42 (35,0)	37 (30,8)	13 (10,8)	3,23	1,05	Trung bình
6	Nhận biết ranh giới cá nhân và tìm kiếm sự hỗ trợ	10 (8,3)	29 (24,2)	45 (37,5)	27 (22,5)	9 (7,5)	2,97	1,05	Trung bình

Kết quả cho thấy mức độ biểu hiện tính tự chủ chung của trẻ đạt điểm trung bình 3,31, thuộc mức Trung bình. Trong sáu nhóm biểu hiện, chủ động thực hiện nhiệm vụ đạt điểm cao nhất với ĐTB = 3,64, tiếp theo là tự lựa chọn hoạt động hoặc vai chơi với ĐTB = 3,47 và giải quyết vấn đề, mâu thuẫn đơn giản với ĐTB = 3,43; cả ba nội dung đều đạt mức Khá.

Trong khi đó, khả năng bày tỏ ý kiến hoặc sự không đồng ý, điều chỉnh hành vi và cảm xúc, cũng như nhận biết ranh giới cá nhân và tìm kiếm sự hỗ trợ chỉ đạt mức Trung bình. Trong đó, nội dung nhận biết ranh giới cá nhân và tìm kiếm sự hỗ trợ có điểm thấp nhất, ĐTB = 2,97. Kết quả này cho thấy trẻ đã tương đối chủ động trong những nhiệm vụ vui chơi quen thuộc nhưng còn hạn chế ở các tình huống đòi hỏi bày tỏ sự từ chối, tự điều chỉnh cảm xúc và thực hiện kĩ năng bảo vệ bản thân.

3.2.2. Thực trạng tổ chức hoạt động vui chơi tích hợp giáo dục giới tính

Khảo sát thực hiện trên 20 GV trực tiếp tham gia tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ 5-6 tuổi. Kết quả trình bày ở bảng 3 (mức 1 – Không bao giờ; mức 2 – Hiếm khi; mức 3 – Thỉnh thoảng; mức 4 – Thường xuyên; mức 5 – Rất thường xuyên)

Bảng 3: Thực trạng tổ chức hoạt động vui chơi tích hợp GDGT nhằm phát triển tính tự chủ cho trẻ 5–6 tuổi (n = 20)

TT	Nội dung khảo sát	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	ĐTB	ĐLC	Mức độ
1	Tạo cơ hội cho trẻ tự lựa chọn góc chơi, trò chơi, đồ chơi, bạn chơi và vai chơi	0	1	7	10	2	3,65	0,75	Khá
2	Khuyến khích trẻ đề xuất ý tưởng và chủ động thực hiện nhiệm vụ trong khi chơi	0	2	8	9	1	3,45	0,76	Khá
3	Tạo điều kiện để trẻ tự thỏa thuận luật chơi, phân công vai chơi và phối hợp với bạn	0	1	8	9	2	3,60	0,75	Khá
4	Khuyến khích trẻ tự giải quyết khó khăn và mâu thuẫn trước khi GV can thiệp	1	3	8	7	1	3,20	0,95	Trung bình
5	Tạo cơ hội để trẻ bày tỏ ý kiến, mong muốn, sự đồng ý hoặc không đồng ý	1	4	7	7	1	3,15	0,99	Trung bình
6	Tổ chức tình huống giúp trẻ chờ lượt, kiểm soát cảm xúc và điều chỉnh hành vi	1	4	8	6	1	3,10	0,97	Trung bình
7	Tích hợp nội dung nhận biết cơ thể, vùng riêng tư, ranh giới cá nhân và quyền nói “không”	2	5	8	4	1	2,85	1,04	Trung bình
8	Hướng dẫn trẻ nhận biết tình huống an toàn, không an toàn và tìm kiếm sự hỗ trợ	1	5	8	5	1	3,00	0,97	Trung bình
9	Tạo cơ hội bình đẳng cho trẻ trai và trẻ gái lựa chọn đồ chơi, nghề nghiệp và vai chơi	1	3	8	7	1	3,20	0,95	Trung bình
10	Quan sát, gợi ý và hỗ trợ đúng lúc, hạn chế áp đặt hoặc làm thay cho trẻ	0	2	7	9	2	3,55	0,83	Khá

Kết quả khảo sát cho thấy thực trạng tổ chức hoạt động vui chơi tích hợp GDGT nhằm phát triển tính tự chủ cho trẻ đạt điểm trung bình chung 3,28, thuộc mức trung bình. Nội dung được thực hiện tốt nhất là tạo cơ hội cho trẻ tự lựa chọn góc chơi, trò chơi, đồ chơi, bạn chơi và vai chơi, với ĐTB = 3,65.

Tiếp theo là tạo điều kiện để trẻ tự thỏa thuận luật chơi và phân công vai chơi, với ĐTB = 3,60; GV quan sát và hỗ trợ đúng lúc, hạn chế làm thay cho trẻ, với ĐTB = 3,55.

Ngược lại, việc tích hợp nội dung nhận biết cơ thể, vùng riêng tư, ranh giới cá nhân và quyền nói “không” có điểm thấp nhất, ĐTB = 2,85. Nội dung hướng dẫn trẻ nhận biết tình huống an toàn, không an toàn và tìm kiếm sự hỗ trợ cũng chỉ đạt ĐTB = 3,00. Kết quả cho thấy GV đã chú ý tạo cơ hội cho trẻ lựa chọn và tham gia hoạt động, nhưng việc tích hợp các nội dung GDGT gắn với quyền từ chối, ranh giới cá nhân và bảo vệ bản thân chưa được thực hiện thường xuyên, đồng bộ.

3.2.3. Mức độ trẻ được tạo cơ hội trong hoạt động vui chơi tích hợp giáo dục giới tính

Để xác định điều kiện giáo dục tác động đến tính tự chủ, nghiên cứu tổng hợp 120 phiếu quan sát hoạt động vui chơi của 120 trẻ. Kết quả được trình bày ở Bảng 4 (Mức 1 – Không bao giờ; mức 2 – Hiếm khi; mức 3 – thỉnh thoảng; mức 4 – Thường xuyên; mức 5 – Rất thường xuyên).

Bảng 4: Mức độ trẻ được tạo cơ hội trong hoạt động vui chơi (n = 120)

TT	Nội dung	Mức 1 n (%)	Mức 2 n (%)	Mức 3 n (%)	Mức 4 n (%)	Mức 5 n (%)	ĐTB	ĐLC	Mức độ
1	Cho trẻ tự lựa chọn trò chơi	6 (5,0)	14 (11,7)	46 (38,3)	42 (35,0)	12 (10,0)	3,33	0,98	Trung bình
2	Khuyến khích trẻ tự thỏa thuận luật chơi	5 (4,2)	13 (10,8)	42 (35,0)	45 (37,5)	15 (12,5)	3,43	0,99	Khá
3	Tích hợp GDGT trong vui chơi	9 (7,5)	17 (14,2)	53 (44,2)	32 (26,7)	9 (7,5)	3,13	1,00	Trung bình
4	Hạn chế định kiến giới trong phân vai	8 (6,7)	16 (13,3)	47 (39,2)	38 (31,7)	11 (9,2)	3,23	1,02	Trung bình

Kết quả cho thấy mức độ tổ chức hoạt động vui chơi tích hợp GDGT đạt điểm trung bình chung 3,28, thuộc mức trung bình. Nội dung được thực hiện tốt nhất là khuyến khích trẻ tự thỏa thuận luật chơi, với ĐTB = 3,43, đạt mức Khá. Nội dung tích hợp GDGT trong vui chơi có điểm thấp nhất, ĐTB = 3,13. Điều này cho thấy GV đã quan tâm tạo cơ hội cho trẻ lựa chọn và thỏa thuận khi chơi, nhưng việc tích hợp nội dung GDGT và hạn chế định kiến giới chưa được thực hiện thường xuyên.

3.2.4. Biểu hiện về bày tỏ ý kiến, tự điều chỉnh và bảo vệ bản thân

Bên cạnh các chỉ báo định lượng, ghi chép quan sát và phỏng vấn ngắn cho thấy một số trẻ đã biết bày tỏ mong muốn trong những tình huống quen thuộc nhưng còn dè dặt khi phải nói “không” hoặc thể hiện sự không đồng ý. Khả năng điều chỉnh hành vi và cảm xúc cũng chưa ổn định; khi xảy ra tranh chấp, một số trẻ vẫn cần GV nhắc nhở để chờ lượt, bình tĩnh và thỏa thuận với bạn. Đối với ranh giới cá nhân, nhiều trẻ bước đầu nhận biết vùng riêng tư nhưng còn lúng túng khi xác định người đáng tin cậy hoặc lựa chọn cách tìm kiếm sự hỗ trợ. Những kết quả định tính này bổ sung cho Bảng 2 và cho thấy sáu nhóm biểu hiện tính tự chủ phát triển không đồng đều.

Trẻ còn hạn chế trong lựa chọn vai chơi không theo định kiến giới cho thấy tính tự chủ không chỉ phụ thuộc vào khả năng cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng của môi trường xã hội. Nếu đồ chơi, lời nhận xét hoặc cách phân vai của người lớn thường xuyên gắn nghề nghiệp và nhiệm vụ với một giới nhất định, trẻ có thể ngại lựa chọn khác với khuôn mẫu quen thuộc. Vì vậy, môi trường chơi bình đẳng không có nghĩa là buộc trẻ chọn một vai nhất định, mà là mở rộng lựa chọn và tôn trọng quyết định của trẻ.

Kết quả cũng cho thấy hoạt động vui chơi có thể là bối cảnh phù hợp để tích hợp nội dung GDGT. Trẻ có thể học cách nói “không”, nhận biết ranh giới cá nhân và tìm kiếm hỗ trợ thông qua tình huống đóng vai thay vì chỉ nghe giảng. Cách tiếp cận này tương đồng với quan điểm học qua trải nghiệm, trong đó trẻ được hành động, suy nghĩ về hành động và điều chỉnh cách ứng xử (Dewey, 1938; Nguyễn Thị Ngọc Tâm, 2022).

3.3. Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục tính tự chủ thông qua hoạt động vui chơi có lồng ghép giáo dục giới tính tại trường mầm non

Thứ nhất, tăng cường bồi dưỡng năng lực cho GV mầm non về giáo dục tính tự chủ và bình đẳng giới. Nội dung bồi dưỡng cần giúp GV hiểu rõ các biểu hiện của tính tự chủ ở trẻ, biết lựa chọn nội dung GDGT phù hợp với lứa tuổi và biết xử lý những tình huống nhạy cảm trong quá trình tổ chức hoạt động.

Đồng thời, GV cần được hướng dẫn cách hạn chế định kiến giới, tôn trọng lựa chọn của trẻ và hỗ trợ trẻ đúng lúc mà không làm thay.

Thứ hai, xây dựng môi trường vui chơi đa dạng, bình đẳng và lấy trẻ làm trung tâm. Nhà trường cần bố trí các góc chơi mở, đồ chơi phong phú và tạo cơ hội để trẻ tự lựa chọn hoạt động, vai chơi, bạn chơi và cách thực hiện. Việc phân vai không nên dựa trên giới tính; trẻ trai và trẻ gái đều được tham gia các vai chơi khác nhau theo sở thích và khả năng. Môi trường vui chơi cũng cần bảo đảm an toàn, tôn trọng ranh giới cá nhân và khuyến khích trẻ bày tỏ ý kiến.

Thứ ba, đổi mới phương pháp tổ chức và đánh giá hoạt động vui chơi theo hướng phát triển năng lực. GV cần giảm cách tổ chức áp đặt, tăng cường sử dụng tình huống có vấn đề, trò chơi đóng vai và các nhiệm vụ mở để trẻ được lựa chọn, suy nghĩ, thử nghiệm và tự điều chỉnh. Việc đánh giá không chỉ dựa vào kết quả cuối cùng mà cần chú ý đến quá trình trẻ tham gia, mức độ chủ động, khả năng kiên trì, cách giải quyết vấn đề và tinh thần trách nhiệm của trẻ.

Thứ tư, tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong giáo dục tính tự chủ. GV cần trao đổi thường xuyên với cha mẹ về cách tạo cơ hội cho trẻ tự phục vụ, tự lựa chọn và chịu trách nhiệm với những việc phù hợp lứa tuổi. Gia đình và nhà trường cần thống nhất cách hướng dẫn trẻ nhận biết ranh giới cá nhân, biết nói “không” và tìm kiếm sự giúp đỡ khi gặp tình huống không an toàn. Sự phối hợp đồng bộ sẽ giúp trẻ được rèn luyện tính tự chủ thường xuyên và nhất quán trong nhiều môi trường khác nhau.

4. Kết luận

Hoạt động vui chơi tích hợp GDGT phù hợp với lứa tuổi là môi trường thuận lợi để trẻ được lựa chọn, trao đổi, giải quyết vấn đề, điều chỉnh hành vi và thực hành các kĩ năng bảo vệ bản thân. Qua đó, trẻ không chỉ hình thành hiểu biết ban đầu về cơ thể, giới tính và ranh giới cá nhân mà còn từng bước phát triển tính chủ động, khả năng tự điều chỉnh và tinh thần trách nhiệm. Hiệu quả của quá trình này phụ thuộc nhiều vào cách tổ chức của GV, môi trường vui chơi và sự phối hợp giữa gia đình với nhà trường.

Từ kết quả nghiên cứu, cần tăng cường bồi dưỡng GV về giáo dục tính tự chủ, bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em; xây dựng môi trường chơi đa dạng, an toàn, không định kiến giới; đổi mới phương pháp tổ chức và đánh giá hoạt động theo hướng tôn trọng sự lựa chọn của trẻ; đồng thời tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng. Do nghiên cứu được thực hiện trên phạm vi một số trường mầm non và chủ yếu sử dụng thống kê mô tả, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng cỡ mẫu, địa bàn khảo sát và sử dụng thêm các phương pháp phân tích để kiểm chứng rõ hơn tác động của hoạt động vui chơi tích hợp GDGT đối với sự phát triển tính tự chủ của trẻ.

Tài liệu tham khảo

- Berk, L. E. (2013). *Child development* (9th ed.). Pearson.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Chương trình giáo dục mầm non* (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021).
- Deci, E. L., & Ryan, R. M. (2000). The “what” and “why” of goal pursuits: Human needs and the self-determination of behavior. *Psychological Inquiry*, 11(4), 227–268. https://doi.org/10.1207/S15327965PLI1104_01.
- Dewey, J. (1938). *Experience and education*. Macmillan.
- Dương Thị Kim Oanh & Đặng Phương Anh. (2023). Một số biện pháp giáo dục kĩ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi ở trường mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, 23(2), 24–28.
- Haffner, D. W. (2008). *From diapers to dating: A parent's guide to raising sexually healthy children—From infancy to middle school* (2nd ed.). William Morrow Paperbacks.
- Nguyễn Thị Mạnh Tiến & Trần Thị Hương. (2024). Tổng quan nghiên cứu về hoạt động trải nghiệm và quản trị hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 21(6), 1104–1117. <https://doi.org/10.54607/hcmue.js.21.6.4251>.
- Nguyễn Thị Ngọc Tâm. (2022). Một số biện pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển khả năng phán đoán và suy luận của trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi. *Tạp chí Giáo dục*, 22(11), 21–26.
- Piaget, J. (1962). *Play, dreams and imitation in childhood*. W. W. Norton & Company.
- UNESCO. (2018). *International technical guidance on sexuality education: An evidence-informed approach* (Rev. ed.). UNESCO.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.
- VVOB Việt Nam & Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong Phát triển. (2019). *Bộ tài liệu hướng dẫn học thông qua chơi có đáp ứng giới*. NXB Hồng Đức.